

## BẢN LUẬN QUYỂN 40

### PHẨM GIỚI

Nếu theo bản Phạm thì giới kia có ba tên: Thi-la, Hán dịch là Thanh lương, tức nói giới thể có oai lực thù thắng, có công năng giúp cho thân, tâm người tu hành thường được mát mẽ. Tiếng Phạm là Tỳ-nại-da, Hán dịch là Điều phục, y cứ ở giáo là chủ thể điều phục. Lại có một tên gọi là Tỳ-Xí-Đa, là “đã điều phục”, đây là y cứ ở người hành luật, gọi là đã điều phục. Bản Phạm chỉ có ba tên gọi này, cũng không có tên Tỳ-ni. Nếu nói là Luật nghi, kể cả giới v.v... thì đều là tên gọi là trong đây. Luận sư Cảnh nói “Vì có đối tượng ngăn ngừa, nên gọi là Giới. Giới chung cho cả thiện lẫn ác, thiện, ác đều có sự ngăn ngừa, đề phòng. Nay, nói về giới thiện, nhằm đề phòng pháp ác, nên gọi là giới.

Nếu nói vì ngăn ngừa điều sai quấy, thôi dứt việc ác, gọi là giới, thì giới ác làm sao gọi là ngăn quấy, dứt ác? Do có trở ngại này, nên được nói phòng ngừa gọi là giới, cũng gọi là Luật nghi. Điều phục nội tại gọi là Luật, biểu lộ pháp thức bên ngoài, gọi là Nghi. Luật nghi dù chung cho giới thiện, ác, nay, nói về Luật nghi thiện pháp.

Sư Khuy Cơ nói “Giới là tên khác của sự ngăn quấy, Nói giới ác, nghĩa là thể của ác chẳng phải là Thi La. Ác ở Thi-La, gọi là Ác thi-la.”

- Nếu vậy, lẽ ra Thể của điều ác cũng chẳng phải ác kiến, vì đối với Kiến, nên gọi là ác Kiến?

- Giải thích “Tức không đúng, vì tìm kiếm, mong cầu để hiểu thì thiện, ác đều tìm kiếm, mong cầu. Thanh lương, gọi là Thi-La. Thi-La tìm cầu thể ác, ở trước nói về phẩm Thí để dứt bỏ keo kiệt bên ngoài. Nay, kể là trì giới, để ngăn ngừa vết nhơ bên trong, đó là lý do có phẩm này.”

Trong văn có ba: Trước hỏi, kế giải thích; sau kết. Trong giải thích lại có ba:

- 1) Giải thích chín môn tịnh giới
- 2) Nói về sự thắng lợi của giới
- 3) Nói về tác dụng của giới.

Trong phần trước, đầu tiên, là tụng và văn xuôi nêu lên môn, sau, dựa vào môn để nói, tức là chín đoạn.

Trong giải thích về tự tánh, trước hỏi, kế là, giải thích, sau là kết.

Trong giải thích có ba:

- 1) Nêu số, nêu danh
- 2) Thứ lớp, giải thích riêng
- 3) Kết, vấn nạn về thắng lợi.

Dựa vào giới tu đắc trong trình bày bốn, gọi là, chánh thọ từ người khác, không dựa theo sự truyền trao của thầy, chủ yếu là kỳ hạn tự tịnh, gọi là khéo tịnh ý nghiệp.

Cự luận nói “Khéo tịnh tâm, thọ, phạm rồi liền ăn năn, được gọi là tịnh trở lại. Hoàn toàn mất, tịnh, gọi là trừ cung kính, chuyên niệm. Hai thứ trước là thọ, hai thứ sau là trì. Trong giải thích có ba:

- 1) Dựa vào hai thọ sinh ba đức
- 2) Nói về thọ tùy theo phân biệt
- 3) Nói về vốn tịnh, tịnh trở lại.

Trong phần trước, vốn thọ, đối với người, nói “Con giữ được”, nên hôm nay phạm, cảm thấy xấu hổ với người. Vốn tự kỳ hạn rằng “mình không bao giờ phạm giới”, nên hổ thẹn đối với mình.”

Nói “Vì hai nhân duyên nên lia các ác tác.”

Pháp sư Thái nói “1) chính thức thọ, Từ người khác.

2) Ý lạc thanh tịnh, dùng làm nhân duyên, nên về sau, không sinh tâm ăn năn.

Luận sư Trắc có bốn giải thích:

- 1) “Hai thọ là một “duyên”, hai trì là một “duyên”.
- 2) “Tức lấy hai trì là hai “duyên”.
- 3) “Tâm, quý là hai nhân duyên; hai thọ là hai “duyên”.
- 4) “Hai thọ là hai “nhân”, tâm, quý là hai “duyên”.

Dù có nhiều giải thích, nhưng nay nhận lấy, tức lấy hai trì làm hai “duyên”, vì thuận theo giải thích của cách hành văn.

Trong phần kết khen thắng lợi, nên biết tức là giới thiện mẫu nhiệm, chính thức thọ tùy theo giới học v.v...

Y theo luật nghi giới, nên biết tức là Vô lượng tịnh giới v.v...

Giới Nhiếp thiện pháp, nên biết chính là lợi ích tất cả hữu tình v.v...

Giới Nhiếp Hữu tình, nên biết tức là có thể đạt được quả lớn, là tịnh giới . thù thắng v.v... gồm ba giới, được quả lợi lớn.

Trong tất cả giới, trước hỏi, kể giải thích, sau là kết trước, sinh sau.

Trong giải thích có hai:

- 1) Y cứ ở tại gia, xuất gia, nói lược nói tất cả giới.

2) “Lại tức dựa vào đây...” trở xuống, là nói rộng tất cả giới, trong đó lại có hai:

a) Nói về giới thể của ba nhóm, tức là Sở học (đối tượng học)

b) “Nếu các Bồ-tát muốn được sở học của Bồ-tát như thế v.v...” trở xuống, là nói dựa vào giới để tu học, tức chủ thể học.

Trong phần trước có ba:

1) Nói lược về giới thể của ba nhóm trong thọ.

2) Bồ-tát trụ Giới luật nghi, trụ Giới nhiếp thiện pháp ra sao?... “ trở xuống, là nói về giới tướng của ba nhóm trong trì.

3) Kết.

Trong phần trước có hai:

1) Nêu chung, nhắc lại để chia ra

2) Dựa vào chương, giải thích riêng.

Nói là các Bồ-tát đã thọ giới luật nghi giải thoát của bảy chúng, tức là giới của Bí-sô v.v... Luận sư Cảnh nói “Giới luật nghi của Bồ-tát xa đến Bồ-đề. Nay, y cứ hình bảy chúng ở luật nghi, để nói về Bồ-tát, do đồng ngăn cấm lỗi thô. Lại, thân Bồ-tát kia ở bảy chúng, bảy chi của thân, ngữ tùy theo bảy chúng kia có đủ, không đủ. Tỳ kheo, Tỳ-kheo-ni có bảy chi thân, ngữ. Năm chúng như Sa-Di, Sa-Di-Ni và chánh Học v.v... chỉ có bốn chi thân, ngữ. Ý ba đều đầy đủ. Đại giới của Bồ-tát, hai chúng có đủ mười chi. Năm chúng còn lại chỉ có bảy chi, trừ ba chi trong ngữ. Cũng có thể Bồ-tát dù hình ở năm chúng sau, nhưng lìa đủ các điều ác. Bảy chúng khi thọ Giới luật nghi đều có mười nghiệp đạo thiện, do tất cả điều ác đều xa lìa, vì thiện này đều tu, chúng sinh này đều nhiếp hóa.”

Luận sư Trắc nói “Luật nghi Bồ-tát thật sự khác với luật nghi của Thanh Văn, chỉ vì bảy chúng xưa kia người thọ giới Thanh văn, về sau đến khi thọ giới Bồ-tát, mới phát ra chủng chi. Nếu Bí-sô tức như chủng chi của giới Bí-sô, trừ người không chung học với Thanh văn, ngoài ra chủng chi tức đồng với chi mà Bí-sô đã phát, cho đến nếu nam nữ, cận sự thọ năm giới xong, về sau, lại khi thọ giới Bồ-tát đã phát ra chủng chi với giới Cận sự, nên nói “Bảy chủng giới như thế tức là giới luật nghi của giới Bồ-tát.” Dù thọ không phát, chỉ do chủng chi đồng, nên nói “Tức là giới mà bảy chúng đã thọ. Ngoài ra, bốn Ba-la-di, bốn mươi hai giới khinh của Bồ-tát, đều là giới Nhiếp thiện pháp .

Trong giới Nhiếp chúng sinh, vì có trái phạm, nên lập các giới này, chứ chẳng phải nghi Nhiếp giới luật .

Lại, mất giới Thanh văn, không mất giới Bồ-tát, vì sao? Vì giới

Thanh văn, khi qua đời, có hai hình sinh đều mất giới Thanh văn, mà không mất giới Bồ-tát.

Hoặc có hai duyên:

1) Thối, mất tâm Bồ-đề.

2) Khởi tăng thượng phiền não, mất, mà không mất giới Thanh văn. Cho nên, biết giới Bồ-tát khác với giới Thanh văn.

Trong giới Thiện pháp, nói các Bồ-tát sau khi thọ giới luật nghi thì tất cả là Đại Bồ-đề v.v... là nêu tóm tắt.

Luận sư Cảnh nói “Thọ ba nhóm giới, về lý thật đồng thời, nói về nghĩa thì có trước, sau, vì trước là ác, sau mới thiện.”

Luận sư Trắc nói “Theo Cựu luận cho rằng “Bồ-tát thọ Giới luật nghi trên.” Người Cựu luận giải thích “Hình ở trước, khen ở sau. Xét lương luật Nghi vượt hơn, chính là ý đồng nhau. Bấy chúng sở dĩ không bằng là vì Nhiếp thiện làm tu không chung với Nhị thừa, nên gọi là “trên”. Nay, nói là thọ giới Luật nghi sau, đây là về nghĩa, nên nói có trước, sau, chứ chẳng phải việc thọ giới có trước, sau.”

- Hỏi “Ba nhóm tịnh giới đều là “thọ được”. Vì sao nay lại nói rằng “thọ Luật nghi sau, vì Đại Bồ-đề chứa nhóm các điều thiện, là giới Nhiếp thiện pháp ư?”

- Giải thích “Ở đây nói tương mạo hiểu rõ: Giới luật nghi là “chỉ thiện”, nói hiểu rõ giới “Nhiếp thiện pháp là “Tác thiện”, vì trụ tịnh giới là đã tu tập tương rõ ràng, nên nói “Thọ Luật nghi vì Đại Bồ-đề gom góp điều thiện, gọi là giới Nhiếp thiện pháp. Đó là lý do y cứ ở sự thật, ba nhóm giới đều nói là “thọ được”.

“Đó là thế nào?” trở xuống, là nói rộng, trong đó có ba:

1) Y cứ ở ba tuệ, để nói về “Nhiếp thiện”.

2) Y cứ vào ba nghiệp để nói. Như thế, thường nói về thân, nghiệp.

“Đối với các khuYết-mâu nhiệm...” trở xuống, là nói về ngữ nghiệp.

“Ở các thế giới mười phương v.v...” trở xuống, nói về ý nghiệp.

“Dùng thân, ngữ, ý...” trở xuống, là y cứ chung ba nghiệp, để nói về hồi hướng, phát nguyện và công hạnh cúng dường, mà không có buông lung thân nghiệp. Trước là y cứ ở ruộng kính để nói về ba.

“Đối với bệnh tật v.v...” trở xuống, là y cứ vào Ruộng bi để nói.

3) “Đối với các học Xứ v.v...” trở xuống, nếu theo Luận sư Cảnh thì nói, nói về bảy điều thiện. Nay, dựa theo Luận sư Trắc thì nói về chín việc thiện:

- 1/ Chánh niệm
- 2/ Chánh tri
- 3/ Chánh hạnh
- 4/ Ngăn giữ thâm hộ căn môn.
- 5/ Ăn, phải biết lượng.
- 6/ Dầu, hôm, gần sáng thường tu thức tỉnh.
- 7/ Gần gũi bậc Thiện Sĩ, y chỉ bạn lành.
- 8/ Hộ trì không trái phạm
- 9/ Phạm rồi, ăn năn.

Chín pháp thiện trên đây đều trong hai đạo tư lương của Địa Xuất ly, và Địa Thanh văn đã nói.

Ở đây nói rằng chánh niệm, tương đương với địa vị Tư lương thứ năm kia, chính là khả năng ngăn ngừa, giữ gìn căn, thể của luật nghi.

Chánh tri, tương đương với địa vị Tư lương thứ tám kia.

Chánh hạnh, tương đương với an trụ giới Cụ túc v.v... của địa vị Tư lương thứ tư.

Giữ gìn, thâm hộ căn môn, nghĩa là luật nghi ngăn ngừa tâm, căn. Thể của sáu căn do đã ngăn ngừa không có lỗi, vì thanh tịnh, đồng vì suy nghĩ, so lường một chỗ thiện.

Nói “Đối với ăn phải biết lượng; dầu hôm, gần sáng thường tu thức tỉnh, gần gũi bậc Thiện Sĩ v.v...”, như Luận sư Trắc có nói rộng.

Nói “Đối với tội lỗi mà mình đã trái phạm, xét kỹ, biết rõ, nhận thấy lỗi ấy một cách sâu sắc rồi chưa bỏ, là thích hợp với Tư lương thứ tư.”

Có năm trong sáu câu nói về tội ít, nhỏ nhất, nhận thấy rất sợ hãi.

Trong giới Nhiều ích hữu tình, nếu theo Cựu luận thì chính trong phần này được chia làm hai, là sự nghiệp kia kia và chăm sóc người bệnh v.v... chia ra làm hai.” Nay, luận này cho rằng đều là giúp đỡ nên hợp thành một. Hai môn thứ tư, thứ năm của luận này hợp thành thứ năm, cho nên có khai hợp, khác nhau. Do đó, số mười một là đồng.

Luận kia có nói riêng chữ thứ nhất, thứ hai v.v... còn luận này có chữ “hựu” (lại). Người Cựu luận liền dựa vào y cứ của sự nghiệp kia để giải thích rằng “Hai pháp đầu trong mười một là đồng sự kia, một pháp kế là Ái ngữ; bốn pháp kế, là bố thí, bốn pháp sau là lợi hành.

Sự lợi ích trong Đồng sự là sự vui của bạn. Đồng bệnh v.v... là nỗi Khổ của bạn, đồng trong việc chung. Nay, theo Tân luận, thì một pháp đầu là Đồng sự; một pháp kế là Ái ngữ; Kế đến là năm bố thí, sau là

bốn lợi hành.

Đồng sự có hai:

- 1) Đồng sự tùy theo nghĩa lợi.
- 2) Đồng sự về việc cứu khổ.

Trong năm bố thí, có: 1) Thí Trả ơn. 2) thí Vô úy. Trong Vô úy thí có: 1) Vì một pháp đầu tiên nên Khổ, thí cho Vô úy. 2) Một pháp kế là, bỏ đi ái, thí vô úy. Một pháp kế là, chính là tài thí, một pháp sau, thí chúng chế ngự.

Trong bốn lợi hành, gồm có:

1) Một pháp đầu đối với người thiện không có đức, thuận theo tâm chuyển.

2) Đối với người thiện có đức, khen ngợi thật đức.

Nói “Hoặc che giấu, hoặc phát lộ v.v.... Nghĩa là 1/ hoặc ở nơi vắng vẻ; hoặc ở trước chúng, khen thật đức của người. 2/ Đối với hữu tình có lỗi, thì nhu nhuyễn điều phục, phẩm Trung là quả trách, trị phạt; phẩm Thượng là đuổi đi.

Đối với hữu tình, người ác quá ngang bướng thì dùng thần lực để chế phục.

Giới tướng của ba trụ trong phần nói về trì, đầu tiên, đều đặt ra ba câu hỏi. Dưới đây, là đáp theo thứ lớp.

Trong luật nghi đầu, trước có mười câu giải thích, sau, là nêu mười câu kết.

Câu thứ hai trong mười câu trước nói “Đến đời vị lai, ở cung vua Thiên ma, nơi có dục mầu nhiệm, người không sinh hỷ lạc vì sao không mong muốn sinh lên Vô Sắc v.v... ? Vì cõi ấy là qua định, vì Giới luật nghi là tán thiện, nên không sinh lên Địa kia.”

“Nhân duyên thì bó buộc, đến cõi kia không hiện hành hỷ, lạc cũng thế, nghĩa là tự thu lại gọi là bó buộc. Do bó buộc, nên lời nói không chính đáng, cho đến Tầm, tư không còn để tâm. Chẳng hạn như xưa, đối với ngôn luận không chính đáng, hiện hành sinh hỷ, lạc. Bồ-tát an trụ nơi đây, ngôn luận v.v... không thích đáng kia không hiện hành. Hỷ, lạc cũng đồng với Hỷ, lạc hiện hành ở trước, nên nói “cũng thế”.

Nói “Các hữu tình đã không có tâm gây tổn hại, không có tâm sân nhuế, đối với họ, vì Đại bi, nên Bồ-tát đã phá hoại pháp của phẩm thượng.” Luận bản dịch cũ nói: tâm không nhuế hận, khởi pháp tâm bi tâm.

Pháp sư Tuệ Viễn nói “Tâm pháp, nghĩa là Tuệ. Dùng Tuệ thêm vào tâm kia, là vì pháp số, nên không có người, để sân.”

Tâm bi, nghĩa là cứu vớt người kia, e họ sẽ chịu đau khổ. Nay, lại giải thích rằng “pháp Đại bi, nghĩa là do phá hoại pháp phẩm thượng, nên có thể khởi ý Đại bi, để cứu khổ chúng sinh, không nói về pháp.”

Trong năm chi không buông lung thứ chín, ba chi ở hiện tại, chính đã trái phạm, như pháp sám hối để tiêu trừ, là y cứ ở trái phạm hiện tại của ba đời lớn, lập tức sám hối để dứt trừ.

Bốn chi trước ở thời gian sau, sẽ bị trái phạm, phát Khởi mạnh mẽ, nhay bén, tự thề về dục lạc v.v... cho đến kết rằng “Lúc trước đã thực hành không buông lung.

Luận sư Trắc thuật lại lời Pháp sư Viễn nói rằng “Như điều nên thực hành là thực hành pháp lành, như điều nên trụ là pháp “chỉ thiện”.

Thực hành như thế, như thế, cho đến khiến không có trái phạm giới điều nào, là chuyên tâm gìn giữ.

Lại giải thích “Như như sự thích ứng, là nhắc lại thọ pháp trì ở trước. Như như đối tượng nên trụ, nghĩa là nêu pháp thọ ở trước. Đây là nói pháp sở y.”

“Đi, đứng v.v... như thế”, là nói đúng về hạnh trì giới. Pháp sư Khuy Cơ nói “Ý trong đây nói là như có một thân trước, ở vị lai, đã có chỗ trái phạm, tự thề không phạm, đối với điều nên làm, đều thề thế. Quá khứ phát nguyện, thân sau đã có pháp lành, hạnh ác đều thôi dứt, là ý trong đây. Chi thứ năm “Nếu các Bồ-tát lấy công hạnh không buông lung đã thực hiện ở thời gian trước như thế để làm đối tượng nương tựa, cho đến không khởi hủy phạm v.v... Luận sư Cảnh nói “Kế trước, tức lấy tác ý như lý ở trước của không buông lung trong ba đời làm cấm giới đã thọ thứ tư. Nay, chi thứ năm này tức do lý tác ý trước của không buông lung trong ba đời làm nương tựa sinh ra không buông lung trong ba đời kia, đều thực hành như lý tác ý là chi thứ năm.”

Luận sư Trắc nói “Ba chi trước trong năm chi này là hạnh ăn năn lỗi lầm, hai chi sau là ngăn ngừa phi hạnh. Vì sự ăn năn lỗi lầm rơi vào ba đời, nên có ba thứ khác nhau. Ngăn ngừa lỗi quấy ở vị lai nên có hai khác nhau.”

“Bồ-tát thành tựu mười chi như thế...” trở xuống, có mười câu. Kết mười chi trước, nói rộng về nghĩa.

Chi thứ tư, lại ưa xa lìa, không sinh điều thiện là kết đoạn văn trước có hai. Dùng hai câu này, tìm kiếm nghĩa để phối hợp, theo chi thứ mười phối hợp, chi thứ năm cũng thế.

Trong chi thứ mười có hai:



- 1) Đây đủ phép tắc
- 2) Đây đủ tịnh mạng.

Đây đủ phép tắc, nghĩa là kết phát lộ xong, ghét sự che giấu, tự khéo léo cho đến oai nghi đều vắng lặng.

Đây đủ tịnh mạng, kết trước lia sự giả dối v.v... tất cả có thể khởi tà mạng là pháp của pháp lớn tà mạng. Giả dối để được của cải là mạng bất tịnh, khiến lia bỏ sự giả dối này, gọi là đây đủ tịnh mạng.

Kế trong phần đáp câu hỏi thứ hai về Giới nhiếp thiện pháp, trước y cứ ở sáu Độ, chia ra thành mười tướng. Sau, kết phối hợp với văn trên.

Trong phần trước, y cứ ở năm Độ, tức là năm tướng; chia ra Tuệ Độ dùng làm năm tướng, trong đó có hai:

- 1) Nêu năm tên gọi
- 2) “Các Bồ-tát này v.v...” trở xuống, là giải thích:
  - a) Khéo biết thắng lợi của quả.
  - b) Khéo biết về nhân. Kế là, khéo biết về nhân quả.
- 3, 4) So sánh không có trái ngược là ba, bốn.

5) Khéo biết về chương Nhiếp thiện pháp, Đối với vọng kiến vô thường không cho là thường, v.v... đối với bốn Thánh luận về tướng khổ là thô nhất, cho nên trong đó khởi điên đảo, chẳng phải ba đế còn lại. Chương của nhiếp thiện pháp: Tức là sáu phát. Nếu theo Pháp sư Khuy Cơ giải thích rằng “trong luận Trí Độ, chia riêng thành năm Xứ. Năm Xứ, là như thắng lợi của quả thiện thứ nhất, nghĩa là tức có thể khi được Bồ-đề đã có tất cả công đức v.v... của tướng tốt, biết rõ nhân thiện, là thứ hai, nghĩa là hạnh sáu Độ v.v... biết rõ nhân quả thiện, trái ngược, không trái ngược thứ ba, nghĩa là tức tạo ra sự hiểu biết về thường, lạc, ngã, tịnh v.v... là nhân, quả không trái ngược.

Nếu cho rằng khổ, vô thường, v.v... là nhân quả không điên đảo biết rõ về chương pháp lành thứ tư, là biết rõ chương của sáu Độ, nghĩa là sáu thứ chương như keo kiệt v.v... Biết rõ về sự thắng lợi của quả thiện, tìm cầu nhân thiện. Trong nhân, quả biết trái ngược, không trái ngược, không chấp là tịnh v.v... biết rõ chương v.v... của thiện, mà có thể nhanh chóng xa lìa thứ năm. Nếu theo Pháp Viển sư nói biết nhân quả thiện trái ngược, không trái ngược thứ ba này là hai. trái ngược như thế, có hai, chẳng trái ngược như thế, bốn. Lại trong chữ chia làm năm Xứ, “các Bồ-tát này có thể đối với quả thiện” trở xuống, là giải thích về năm Xứ trước. Nghĩa này không đúng. “Các Bồ-tát này” trở xuống, Văn cuối nói rằng “Biết rõ về chương của Nhiếp thiện pháp, vì nhiếp



thiện nên nhanh chóng có thể xa lìa, là giải thích văn nào trước? Nếu giải thích thứ năm trước, biết rõ nhiếp thiện pháp, nghĩa là ở trước chỉ nói tri chướng, không nói xa lìa. Nay nói xa lìa là kết thứ năm ở trước, há không trái nhau?”

Nay, “phân biệt các Bồ-tát này” trở xuống, là thứ năm, vì xa lìa chướng và Tri chướng riêng.

Hỏi “Nếu lấy xa lìa chướng làm thứ năm, thì có khác gì với biết nhân thiện ở trước?”

Đáp “Ở trước biết nhân thiện, biết sáu Độ v.v... là nhân, nhưng chưa thể dứt trừ chướng. Nay, thứ năm vì dứt trừ chướng, nên có riêng khác. Nếu ông dùng tri chướng để dứt trừ chướng thì sẽ không được là hai biết trái ngược, chẳng trái ngược lẽ ra không được là hai. Ông đã không thành, thì nghĩa của tôi hiển nhiên được lập, “biết trái ngược với chướng (chướng) điều thiện đâu có khác nhau?”

Đáp “Vì sao có sáu câu hỏi trong ba nhóm giới của câu hỏi trước? Là trụ Giới luật nghi, khéo hộ trì Giới luật nghi v.v... ?”

Ở trước kết Giới luật nghi, tức nhắc lại cả hai pháp là trụ Giới luật nghi, khéo hộ trì Giới luật nghi. Nay, giải thích về Giới nhiếp thiện pháp và dưới đây giới nhiều ích hữu tình, không kết câu hỏi thứ hai, chỉ kết trụ Giới nhiếp thiện pháp v.v... là có ý gì?”

Nghĩa là “Chỉ văn kết trước, lấy trước để so sánh sau. Song kết trong Giới luật nghi xong, so sánh với hai luật nghi sau, nên biết, cho nên không nói.”

Lại, có giải thích khác “Trong Luật Biệt giải thoát nghi kia, mới sinh khởi trong văn, chỉ có trụ Luật nghi Biệt giải, “nói là không có nói thủ hộ khéo giới biệt giải” trở xuống, là văn kết, tức song kết, gồm lời nói có sự giữ gìn khéo léo.”

Trong giải thích về Nhiều ích hữu tình thứ ba kia, mới sinh khởi, chỉ có một ở lời nói có trụ, không nói khéo tu Giới nhiếp thiện pháp, tức cả hai thứ trong văn kết kia đều kết.

Giới nhiếp thiện pháp thứ hai kia sinh khởi, chỉ có trụ ở lời nói, trong văn kết kia nói rằng “Gọi là trụ Giới nhiếp thiện pháp, nhanh chóng có thể nhiếp thiện lời nói tất cả chủng tướng.” Ý tức kết lời nói khéo tu Giới nhiếp thiện pháp. Lấy lý làm tiêu chuẩn giới Biệt giải thoát, tức sinh Khởi và kết đầy đủ có hai. Nhiếp thiện kia lợi ích chúng sinh lẫn nhau có tiêu chuẩn so sánh Nhiếp thiện đều có hai kết sinh khởi, chỉ có một lợi ích chúng sinh, tức có hai sinh khởi không có hai kết trong tiêu chuẩn, nên văn không nhất định.

Lại, giải thích “Câu hỏi trước lại có ba câu hỏi, rằng, trụ Luật nghi mà có thể khéo thủ hộ. Ở đây chỉ một nghĩa, chứ chẳng phải có hai câu hỏi.”

Dưới là so sánh lợi ích chúng sinh và nhiếp thiện, cũng là một câu hỏi, nên phần sinh khởi và kết trong giải thích dưới đây cũng chỉ một thứ, không nhọc công giải thích nữa.

Trong phối hợp kết dưới đây nói “Xoay vẫn.”

Pháp sư Thái nói “Các hạnh vì không thể tu tức khắc, nên dần dần tu thí v.v... Đáp câu thứ ba dưới đây, trong nhiều ích hữu tình giới, đầu tiên, nêu số, nêu lược. Kế là, giải thích rộng, sau là kết.”

Trước nói rằng “Do mười một tướng gọi là trụ v.v... Pháp sư Viễn nói “Mỗi một tướng trong mười một tướng đều có mười một tướng, cho nên được biết như thế là vì y cứ trong Báo ân thứ ba dưới đây, có đủ mười một nhất thiết chủng. So sánh trong tướng khác, cũng có thể đồng có, vì lược qua nên không nói.”

Lại giải thích “Trong mỗi tướng vì có nhiều tướng, nên nói là “Tất cả”, chưa hẳn có đủ mười một.”

Pháp sư Khuy Cơ giải thích “Những gì là mười một tướng? Nếu xét cách giải sơ lược trước về mười một tướng của đoạn văn dưới, thì các Bồ-tát đối với sự nghiệp kia của các hữu tình đều làm giúp đỡ”, trở xuống là thứ nhất. Lại, “các hữu tình Bồ-tát như lý giảng nói rằng, đối với lạc hạnh, ác hạnh v.v...” trở xuống, là thứ hai. “Lại, các Bồ-tát đối với hữu tình có ơn kia, đã biết ơn sâu sắc, ban cho tuệ” trở xuống, là thứ ba. Lại, “các Bồ-tát hay vì cứu hộ các loại hữu tình đang gặp phải sự sợ hãi” là thứ tư. Lại, các Bồ-tát đối với các loại hữu tình đang ở trong hoàn cảnh suy hao não nề, có thể khéo khai mở” trở xuống, nói thứ năm. Lại, các Bồ-tát sẵn sàng có người đến cầu xin, lập tức đều thí cho...” trở xuống, là thứ sáu. Lại, các Bồ-tát với tánh ưa nhiếp thọ các loại hữu tình, đúng như pháp chế ngự chúng...” trở xuống, nói thứ bảy. Lại, “các Bồ-tát thích tùy chuyển tâm tánh của các hữu tình, khi tùy tâm chuyển...” trở xuống, là nói thứ tám. Lại, “các Bồ-tát tánh ưa khen ngợi, biểu dương công đức chân thật, để cho người khác vui mừng...” trở xuống, là nói thứ chín. Lại, tánh các Bồ-tát ưa thương xót, dùng pháp điều phục để điều phục hữu tình...” để trở xuống, là thứ mười. Lại, các Bồ-tát vì muốn nhiều ích các hữu tình, nên hiện thần lực...” trở xuống, là nói thứ mười một. Mười một thứ này so sánh với mười một tướng đã giải thích sơ lược ở trên để phối hợp.

Lại, theo trong Tĩnh lự nói ở quyển bốn mươi ba dưới đồng với

đây. Dù giúp đỡ là hai, nhưng vẫn kết hợp là thứ nhất. Nếu chia làm hai, tức mười hai tướng, nên biết kết hợp với giúp đỡ làm một.

Nếu theo luận Địa Trì, bản cật dịch thì có một, hai cho đến số mười một. Trong phần giản lược ở trước cũng thế.

Trong phần giải thích sơ lược ở trước đã hợp hai luận với lý do bất đồng. Nay, trong đây, dựa theo mười một của luận Địa Trì bản cật dịch nghĩa là các Bồ-tát đều làm giúp đỡ đối với sự nghiệp kia của các hữu tình...” trở xuống là thứ nhất.

“Đối với các cứu khổ cũng là giúp đỡ...” trở xuống là thứ hai, tức chia ra thứ hai trong thứ nhất ở trước nói, tức kết hợp thứ tư, thứ năm ở trước, làm chung một tướng thứ năm, đã có khai hợp khác nhau như thế trong giải thích sơ lược ở trước. Phần giải thích rộng kia đồng với văn giản lược.

Nay, nếu theo quyển bốn mươi ba ở dưới, thì sự nghiệp giúp đỡ cứu khổ là hai môn. Lại, ở trước nói “Trong giải thích về trả ơn thứ ba, vì sao đối với sự nghiệp, đối với nỗi Khổ như thế, như lý mà nói v.v... tức chia sự nghiệp ra làm hai là ý gì?”

Nghĩa là “Nay, y theo giải thích sơ lược trước, thì về nghĩa của mười một tướng, tức sự nghiệp cứu Khổ được kết hợp thành một; để làm giúp đỡ, vì nghĩa đồng nhau. Nếu đã làm giúp đỡ, thì một là sự nghiệp, một là cứu Khổ, vì hai nghĩa khác nhau, do quyển bốn mươi ba sau và trong Báo ơn chia ra thành hai. Làm sao được biết? Vì chính trong Báo ân giải thích rằng “Đối với như lý nói, đối với phương tiện nói, đối với như lý, nói tướng thứ hai của mười một tướng ở trước. Phương tiện nói là gì?”

Thứ ba là báo ơn, phương tiện nói kết hợp tương đương với thứ ba. Chỗ nào trong Báo ân có nghĩa phương tiện nói?

Nay, giải thích “Trong thứ hai, như lý nói, có nói rằng “Hoặc là phương tiện khéo giảng nói, như về lạc hạnh v.v... tức là phương tiện nói. Ở đây, nếu mười tướng được nói về nghĩa, thì tức Như lý phương tiện giảng nói kết hợp với thứ hai. Nếu nói dù đồng như lý, nhưng về hai nghĩa phương tiện khác nhau, nên trong đây chia làm hai.”

Hỏi “Nếu vậy, thì vì sao trong mười giải thích về báo ân này không nhắc lại báo ân có nghĩa là gì. Nghĩa rằng: Ở đây giải thích báo ân, báo ân có mười tướng trước sau, cho nên không nhắc lại riêng về tướng báo ân, nếu phương tiện nói cho nên khổ đều là một. Trong phần ở trước lẽ ra mười hai tướng chia giúp đỡ thành hai, nghĩa là giúp đỡ này có hai. nếu thế thì vì sao trong phần lược có mười một chữ “lại”.

Nghĩa là “Chữ “lại” thứ tư, thứ năm kia kết hợp thành thứ năm, trong chữ “lại” thứ nhất kia chia giúp đỡ làm hai, tức cần phải biết đích xác trong văn rộng này. Nghĩa là “Do người xưa nói, thật ra trong bản Phạm của luận không có nêu tên một, hai, ba, bốn v.v... mà là do người dịch tự thêm vào. Do vậy, nghĩa thứ nhất trước là đúng, nếu theo Đại sư Tuệ Viễn thì thứ hai là Đồng sự, kế là, một ái ngữ. Kế là, bốn Bồ thí, sau là bốn lợi hành. Nay, thì không như vậy, một thứ đầu tiên là đồng sự, một thứ kế là ái ngữ, năm thứ kế là bồ thí, kế là bốn lợi hành. Do hai văn trái nhau, nên dẫn riêng như trước.

Lại, có vui, Khổ trong đồng sự, trước vui, sau Khổ của Đồng sự, dựa theo văn để tìm.

Kế là, trong một tướng Ái ngữ, nói rằng, do văn, cú v.v... tương ứng cho đến “mà vì nói rộng”, tức lấy bảy câu để nói về như lý nói tướng:

- 1/ Do văn cú tương ứng.
- 2/ Giúp đỡ
- 3/ Thuận theo
- 4/ Trong sáng
- 5/ Có dụng
- 6/ Tương xứng, ứng thuận

7/ Thường ủy thác, phân chia pháp tư lương. Các trường hợp như thế trong luận Hiền Dương quyển mười ba và Nhiếp Thích phần, v.v... có nói rộng. Nhiếp Thích phần quyển ba nói thế nào là văn nghĩa là có sáu thứ: Một là danh thân, hai là cú thân, ba là văn thân, bốn là ngữ, năm là hành tướng, sáu là cơ thỉnh.

Dưới đây nói ngữ, phải biết rằng, đại khái có tám phần, nghĩa là tốt đẹp đứng đầu v.v... Do văn cú của ngữ kia tương ứng, cho đến ủy thác, phân tư lương, nên có thể nói chánh pháp, cho đến nói “Tám ngữ như thế, tóm tắt có ba đức:

- 1) Đức thu hưởng, nghĩa là một thứ đầu
- 2) Đức tự thể, nghĩa là hai thứ kế
- 3) Đức gia hạnh, nghĩa là các thứ còn lại.

Tương ứng, nghĩa là: danh, cú, văn, thân an lập khéo theo thứ lớp.

Lại, vì dựa vào bốn thứ đạo lý tương ứng.

Giúp đỡ, nghĩa là thành thứ lớp. Thuận theo, nghĩa là giải thích theo thứ lớp. Trong suốt, nghĩa là câu văn, rõ ràng. Thanh tịnh tư trợ, nghĩa là tâm khéo nhập chúng. Tương xứng, nghĩa là như chúng hội, vì

ứng cúng, vì xứng pháp, vì dẫn nghĩa và vì thuận với thời gian.

Thường gửi gắm phần tư lương, nghĩa là tra xét, điều đã làm, thường đã làm, gọi là thường gửi gắm.

Phần kia, nghĩa là chánh kiến v.v... đây là tư lương kia. Nhưng câu tương ứng v.v... này, Luận sư Trắc chia làm tám khác nhau, vì lấy ứng thuận làm thứ bảy. Pháp sư Khuy Cơ xếp thành làm tám câu để giải thích nghĩa, nghĩa là bảy ứng thuận thường gửi gắm, tám phân biệt pháp tư lương. Nay, đều không theo, tức xếp thành là bảy.

Kế là, nói về bố thí có bốn:

- 1) Một Báo ân thí
- 2) Vô úy thí.
- 3/ Kế là, một Tài thí,
- 4/ Sau là một Pháp thí.

Trong Báo ân thí, có mười một tướng ở trước. Luận sư Cảnh nói “Đầu tiên là Báo ân thí, rất dễ hiểu.”

Kế là, “Đối với như lý nói, đối với phương tiện nói, nghĩa là bốn Ai ngữ trong Báo ân thí.”

Kế là, đối với cứu giúp sự sợ hãi, đối với chỗ suy vi khổ não, giải tỏa nỗi lo buồn. Nghĩa là nói về Vô úy thí trong Báo ân thí. Hai câu rất dễ hiểu.

Đối với Tuệ tư cụ. Nghĩa là tài thí trong Báo ân thí, gọi là Tuệ tư cụ.

Đối với y chỉ chung, nghĩa là pháp thí trong Báo ân thí, dưới đây có bốn câu đối với lợi hành trong Báo ân thí.

Về tùy tâm chuyển, nghĩa là đối với người thiện, không có đức, tùy chuyển biến sự việc của họ, thể hiện rõ thật đức, để họ được hân hoan, vui vẻ sâu sắc. Đối với người lành có đức, thì khen ngợi đức để họ được vui vẻ.

Đối với người có tâm thân ái, dùng phương tiện điều phục, nghĩa là đối với người có lỗi, dùng tâm mềm mỏng để điều phục, đối với người có lỗi thì tâm mềm mỏng điều phục, xoa đuổi họ. Về việc hiện thân thông là thứ mười một, nghĩa là trong trường hợp có kẻ ngang bướng, Bồ-tát sẽ hiện thân thông khuất phục sự sợ hãi, rồi dẫn dắt họ. Như cần nói rộng thì phải biết cũng thế, nghĩa là như vì sự sợ hãi, cho nên hiện thân thông, vì muốn dẫn dắt, nên hiện thân thông cũng thế.

Pháp sư Thái nói “Lập tòa ở chỗ tốt lành, nghĩa là ở chỗ đẹp, tốt lành, lập bày giường, tòa.”

“Tánh ưa tùy chuyển” trở xuống, trong phần nói về lợi đặc có

bốn:

1) Đối với người thiện không có đức, tánh ưa tùy chuyển, trước chung, sau riêng. Trước, biết hữu tình, hoặc thể, hoặc tánh. Luận Địa Trì bản cựu dịch nói rằng “Hoặc tánh tự tánh.” Pháp sư Viễn giải thích “Hoặc tánh nghĩa là có tánh cộng trụ (ở chung). Tự tánh, nghĩa là không có tánh ở chung. Có tánh tự hành xong, tùy các hữu tình, đồng ở, đồng làm.”

Dưới đây là nói riêng về Tùy chuyển có bảy câu. Câu đầu có ba:

2) Nói về Bồ-tát đã biểu hiện thân, ngữ, sah ra nỗi khổ ưu tư cho người khác vô ích thì thôi, có ích thì làm.

3) Kế là nói Bồ-tát hiện hành thân, ngữ trong việc của người, nảy sinh nỗi khổ lo lắng cho hữu tình khác thì dừng, có ích thì làm.

4) Nói về Bồ-tát hiện hành thân, ngữ trong việc của mình, sinh ra khổ lo cho người, thuộc phi Học xứ, không thuận với phước, trí thì thôi, nếu thuận thì thực hành. Như sinh nỗi khổ lo buồn cho người, sinh hỷ, lạc cũng thế.

Trên đến đây, sinh ra nỗi khổ, niềm vui cho người, có tùy, không tùy.

Dưới đây là thứ hai, biết triền phần của người có thể bỏ, không thể bỏ, có tùy, không tùy.

Thứ ba, là nói về người khác đến, phải bàn luận chung. Câu bốn, năm, sáu, như văn rất dễ biết.

Câu thứ bảy nói “Không thường hy vọng, biết lượng mà thọ, nghĩa là đối với đối tượng chẳng phải thân tình, không thường hy vọng được cúng dường, thí cho. Nếu có cúng thí, không nhận vật quá phần mình muốn dùng.”

Dù có bảy câu, nhưng đều là công hạnh lợi người, là câu đầu trong bốn câu xong.

1) Nói khen ngợi người có đức, rằng, đối với công đức v.v... của tín, nghĩa là nói về bảy Thánh tài, lược qua không nói tâm, quý.

2) Nói về có lỗi, dễ điều phục, trị phạt, xua đuổi. Ba phẩm tâm phạm, ba phẩm quả trách.

3) Nói về có lỗi khó điều phục, hiện thân thông để chiết phục, hoặc vì sợ hãi, hoặc vì dẫn dắt.

4) Trước chia ra hai môn, sau giải thích rất dễ hiểu.

Thứ hai, trong phần nói là nương tựa giới để tu học. Trước là nói nương tựa giới để tu học. Sau, nói về thắng lợi của giới học.

Trong phần trước lại có hai:

- 1) Nói rộng về tu học
- 2) Tùy theo vấn nạn, giải thích lại.

Trong phần đầu lại có hai: Trước, nói chính thọ với người . Sau, nói từ tịnh tâm thọ.

Trong phần trước có ba:

- 1) Nói từ chính thọ với người khác,
- 2) Nói về chuyên tinh tấn, thủ hộ giới.
- 3) Nói về phạm rồi, mà biết ăn năn.

Trong phần trước có bốn:

- 1) Nói về thọ giới
- 2) Nói về giữ giới
- 3) Nói lại nói về thọ giới
- 4) Nói về giới tướng.

Trong phần đầu có hai:

Thứ nhất, chính nói về thọ giới.

Thứ hai, khen lợi ích của giới, xét nghiệm, so lường, nhằm làm rõ pháp vượt hơn.

Trong phần trước có ba:

- 1) Nói về tiền phương tiện
- 2) Nói về chính thọ giới
- 3) Nói về phương tiện sau thọ giới

Trước, phân tích sơ lược về nghĩa có ba môn:

- 1) Nói về người thọ giới
- 2) Nói thầy truyền giới
- 3) Nói về nhân của giới.

Trong phần trước có hai:

1) Nói về người mới học phải nương theo Đại thừa mà phát nguyện.

2) Nói về giới, cõi. Người thọ giới Bồ-tát chung cho cõi Dục, bốn đường và cõi Sắc. Do Kinh Phạm Võng nói “Mười tám Phạm Thiên, tất cả quỷ, thần v.v... chỉ hiểu được lời nói của thầy, đều thọ được giới” mà không nói Địa ngục và cõi Vô Sắc. Mười tám vị Phạm Thiên, như Đại Bát-nhã nói “Trong Sơ thiên có bốn:

- 1) Trời Phạm Chúng
- 2) Trời Đại Phạm
- 3) Trời Phạm phụ
- 4) Trời Phạm .

Trong Nhị thiên có bốn:



- 1) Trời Thiếu Quang
- 2) Trời Vô lượng Quang
- 3) Trời Âm
- 4) Trời Quang

Trong Ba thiên có bốn:

- 1) Trời Thiếu Tịnh
- 2) Trời Vô lượng Tịnh
- 3) Trời Biến Tịnh
- 4) Trời Tịnh Thiên.

Trong Bốn thiên có sáu:

- 1) Trời Phước Sinh
- 2) Trời Phước Ái
- 3) Trời Quảng Quả
- 4) Trời Thanh Tịnh
- 5) Trời Tự Tại
- 6) Trời Đại Tự Tại

Hình tướng của ba minh là chung cho Đạo, Tục. Bốn là nói ngăn ngừa vẩn nạn. Như kinh nói “Tỳ-kheo không được hiện thân thọ giới chung với người gây ra bảy tội nghịch. Bảy tội nghịch là: Làm thân Phật chảy máu, giết cha, mẹ; giết A-Xà-Lê; Phá tăng Yết-ma; chuyển pháp luân; giết bậc Thánh .

Nếu có bảy “già” thì thân không đắc giới, tất cả người khác đều được thọ giới.

Năm Minh hư, thật, như kinh nói “Cho đến người biến hóa đều được thọ giới.” Đây là chung cho cả người biến hóa, chứ chẳng phải như Thật báo của Tiểu thừa được thọ, chẳng phải người biến hóa.

Sáu, y cứ năm uẩn. Luận sư Trắc nói “phải đủ năm uẩn, không có tâm thì không được, chẳng phải như Tiểu thừa, cho đến nhập Diệt định, chỉ có hai uẩn, cũng đắc giới.

Nói về Sư có khả năng truyền trao học giới của Bồ-tát Đại thừa. Theo kinh Thiện Sanh Ưu-Bà-Tắc Giới, thì hai mươi sư Yết-ma, thọ bốn, giống như ni sáu pháp . Kinh Phạm Võng chép: “Đối trước hình tượng Bồ-tát, tự thệ thọ giới. Nếu sám hối, thấy được tướng tốt, tức là đắc giới. Nếu không thấy được tướng tốt, thì không đắc giới. Nếu hiện tiền thọ giới Bồ-tát, hoặc khi thọ giới trước Sư, thì không cần phải thấy tướng tốt. Nếu trong ngàn dặm, Sư không có khả năng truyền trao giới, được thọ giới trước Phật, Bồ-tát nhưng phải thấy tướng tốt.”

Hỏi “Vì sao Thanh văn phải đủ mười Sư, trong khi Bồ-tát chỉ

một?”

Đáp “Vì sức nhân của giới Thanh văn yếu, phải nhờ “duyên” mạnh mẽ, nên cần đủ mười Sư, còn Bồ-tát với tâm Bồ-đề mạnh, nên một sư vẫn được.”

Lại hỏi “Theo đoạn văn dưới đây nói “Người trí muốn truyền giới Bồ-tát, trước, phải vì nói giới Bồ-tát và tướng phạm giới, để cho tự mình tư duy “Ta có khả năng thọ giới hay không?”

Vì lẽ gì hàng Thanh văn thọ giới về sau, vì nói bốn Trọng, bốn y? Trước, Bồ-tát phải thuyết giới và tướng trái phạm?

Đáp “Trong pháp Thanh văn, nếu vì nói giới trước, e sẽ trở thành “Tặc trụ”, nên không được nói trước. Bồ-tát thì không như thế. Cần phải đối diện, trước hết, Bồ-tát trừ tính cân nhắc xem mình có đủ khả năng truyền giới hay không? Sau đó mới vì thọ.

1. Nói về nhân của giới, nếu là tướng chung, nói về nhân, tức tâm Bồ-đề, nên văn này nói “Phát nguyện Vô thượng Bồ-đề rồi, nếu nói riêng, thì phát ba tâm là nhân của ba nhóm, có nghĩa là dứt ác, tu thiện và độ sinh. Lại, nếu theo Nhiếp Luận, thì năm căn là nhân của ba nhóm. Tinh tấn là nhân của giới đầu trì căn là nhân của giới thứ hai, Định căn là nhân của giới thứ ba. Hai căn Tín, niệm, chung cho nhân của ba giới, vì hai căn này có thể nhiếp hộ chung, nên y cứ vào phương tiện trước có ba. Đầu tiên, lại có ba:

Trước là nói về phương tiện xa của thọ, nghĩa là trước phát nguyện, kế là, thỉnh sư cầu giới; sau, “vén y...” trở xuống, niệm công Đức Phật, Bồ-tát, vận tâm cúng dường.

Nói “Đối với nghĩa ngữ biểu, năng truyền trao, năng khai mở. Pháp sư Thái nói “Xưa nói hai tác thân và khẩu, nay nói hai biểu thân, khẩu, vì “năng biểu” ở trong tâm. Đối với nghiệp ngữ tác, có công năng khiến người khác hiểu rõ.”

Luận sư Cảnh nói “Nay ta muốn ở chỗ người Thiện nam đối với người xuất gia, không thọ giới Bồ-tát, nên cầu khắp giới. Hoặc ở chỗ trưởng lão đối với người xuất gia nhỏ.” Nay, tìm trong luật Thiện Kiến của Luật tạng nói rằng “Người già nói là Đại đức, người trẻ xưng là Trưởng lão.” Luật Sư Thủ nói “Về việc này cũng không nhất định. Rằng, trong luật Tứ phần, nhóm Tỳ-kheo mười bảy vị đều nhỏ hơn nhóm Tỳ-kheo sanh vị, mà bảo nhóm Tỳ-kheo sáu vị rằng: “Trưởng lão là thượng tọa chúng ta.”

Lại, trong năm trăm vị kiết tập, Ly-Ba-Đa kêu gọi là tất cả hãy bỏ đi Thượng tọa lớn nhất, làm trưởng lão đại đức.

Luật Thập tụng nói “Từ nay, không được gọi là ngay Thượng tọa là Trưởng lão, nên nói là Trưởng lão tên gì? Chẳng hạn như gọi là Trưởng lão Xá-Lợi-Phất, Mục-Kiền-Liên v.v...”

Không nề mỗi một, thương xót chấp nhận truyền trao giới. Nghĩa là nguyện sư không ngại gì mỗi một, vất vả, xót thương chấp nhận lời cầu thỉnh của con và trao cho con giới pháp.

2. “Tùy theo các giới Sư kia có chấp nhận hay không...”

trở xuống, cho đến “đứng im lặng, là nói về phương Tiện gần.

3. “Lúc bấy giờ, người có trí, có sức” trở xuống, là nói về phương tiện gần của giới sư. Luận sư Trắc nói “Về nghĩa phương tiện xa của giới sư trong đây, nghĩa có mà văn “Không, sở đắc biết là có, nghĩa là trong giới Bản Biệt hành nói “Chính nói giới tức phương tiện xa, cho nên biết có nghĩa. Nhưng đoạn văn dưới đây lại lựa chọn là chẳng phải thuyết trung dung, nên ở đây không nói.”

Nói “Hoặc ngồi, hoặc đứng.” Luận sư Cảnh nói “Nếu đối trước tượng giới sư đứng thì đứng, nếu đối trước tượng giới sư ngồi thì ngồi, nên nói “hoặc đứng, hoặc ngồi”

Pháp sư Huy nói rằng “Giới sư tráng niên, thiếu niên có sức khỏe, thì nên đứng, nếu không có sức khỏe thì ngồi. Sư này dựa vào Trì luận mà xếp. Chương Thọ Giới rằng “Có ba lượt hỏi đáp:

1) Hỏi về chủng tánh

2) Hỏi về danh tự

3) Hỏi về phát nguyện.

Dưới đây, ba lượt Yết-ma là căn bản thọ giới Bồ-tát. Cựu luận nói không có Yết-ma của chánh pháp. Ngài Tam Tạng xem trong đây không có người nào thọ giới Bồ-tát, nên không chịu dịch. Về các đức hoặc chiêm bao, được văn Yết-ma bày tỏ với ngài Tam Tạng. Ngài Tam Tạng nói “Nên được lưu hành, có Yết-ma riêng chính đồng với luận này.”

Trong văn này, Sư chủ thể thọ hỏi, người thọ Bồ-tát giới đều đáp “Có thể”, không đồng với thọ giới Tỳ kheo, lúc ba Yết-ma không có hỏi đáp. Về sau, văn trong phương tiện có hai:

1) Nói về giới sư chung cung thỉnh chư Phật mười phương tác chứng, pháp nhĩ tướng hiện trước chúng.

2) Nói về thọ xong, kính lễ rồi lui ra.

Trong sự khen vượt hơn, xem xét, suy lường thường có bảy: 1) một trăm. 2) một ngàn. 3) số. 4) kể. 5) Toán. 6) Dụ. 7) Ổ Ba Ni Sát đàm phần. Nếu dựa vào chủ thể đoạn, thì Kinh Kim cương thường có mười:

1) một trăm. 2) một ngàn. 3) một trăm ngàn. 4) Câu chi một trăm ngàn. 5) Câu-chi-Na-dữu-đa một trăm ngàn. 6) số. 7) kể. 8) Toán. 9) Dự. 10) Ổ-Ba-Ni-Sát-đàm phần.

Trong đây, lược qua không nói một trăm ngàn Câu-chi-na-dữu-đa. Nếu theo Luận sư Bát-nhã, thì giải thích mười số trước dùng làm bốn thứ:

1) Một trăm, một ngàn, mười ngàn. Ba số này gọi là thắng số. Về phước trì kinh, số ấy vượt hơn rất nhiều so với phước thí cho ở trước.

2) Câu chi một trăm ngàn, Câu-chi-na-dữu-đa một trăm ngàn. Hai số này gọi là Thắng lực. Phước trì kinh, như trên thân người có nhiều lông, chỉ dựa vào một sợi lông mà phân tích thành trăm, ngàn phần, phước bố thí không bằng một phần, vì nói phước trì kinh có thể lực lớn.

3) Số, kể, toán, dự, bốn thứ này gọi là sự vượt hơn không giống nhau. Phước trì kinh, phước ấy rộng lớn như núi Tu-di, so sánh với phước thí cho ở trước, cũng như hạt cải. Vì lớn, nhỏ, nên lại nói “không giống nhau.”

4) Ổ-Ba-Ni-Sát-Đàm Phần, Hán dịch là Nhân quả thắng, nghĩa là nói đem công đức trì Kinh để thành tựu nhân quả vô lậu; phước bố thí, thành tựu nhân, quả hữu lậu. Nay, y theo cách giải thích này, công đức mà giới Bồ-tát có so với giới đức của hàng Thanh văn cũng thế. Đại khái không có Câu-chi-na-dữu-đa một trăm ngàn, gọi là Lực thắng.

Trên, nói về thọ giới rồi, dưới đây là thứ hai, nói về trì giới, trong đó, trước là thường tư duy để lý, chuyên tâm nghe pháp.

Ma-đát-lý-ca, Hán dịch gọi là Bản mẫu. Sinh trí Bản mẫu, tức là tên của Luật tạng.

Lại, “các Bồ-tát không từ tất cả...” trở xuống là thứ ba, nói lại về phương tiện thọ giới, tức là vì phương tiện xa, nên lại nói sau, trong đó có ba:

1) Lựa chọn giới sư

2) Nói về người trụ giới, so lường căn cơ để truyền cho giới pháp.

3) Nói về thầy chọn lựa đệ tử.

Trong phần trước có hai:

1) Nói về giới sư có tuệ, không có đức tin, không nên theo thọ.

2) Nói giới sư có sáu thứ chướng kia, không tu sáu Độ, thì không nên theo thọ.

Có người keo kiệt, tham lam v.v... Y cứ chướng đàn việt có bốn

trường hợp. Luận sư Trắc nói “Hai câu đầu, y cứ ở sự phân biệt của đời, trong đó, câu trước là tham ở vị lai.”

Như thế, Bồ-tát trụ Giới luật nghi có bốn thứ thắng Xứ khác...” trở xuống, là thứ tư, phân biệt rộng về giới tướng, trong đó có hai:

- 1) Nói về bốn giới Trọng
- 2) Nói về bốn mươi hai Khinh, trong phần trước có hai:
  - 1) Nói về tướng của bốn trọng
  - 2) Tùy nghĩa phân biệt.

Nếu theo Kinh Phạm Võng, nói có mười trọng, luận này lược qua, không có sáu pháp trước.

Xưa gọi là Ba-la-di, Hán dịch là “Bất cộng trụ.” Ngài Tam Tạng nói “Tiếng Phạm là Chánh Ba-la-xà-dĩ-ca, Hán dịch là “Tha thắng xứ pháp”, nghĩa là nếu người phạm giới này thì người khác vượt hơn. Bốn pháp Thắng Xứ khác này có đủ ba nhóm giới:

1) Không vì tham cầu mà khen mình, chê người là Giới luật nghi, tức hợp với Kinh Thắng-man nói “Không Khởi tâm ganh tỵ đối với các chúng sinh.”

2) Không keo kiệt, luyến tiếc tài, pháp là giới lợi ích hữu tình, tức tương đương với Thắng-man nói “Không Khởi tâm keo kiệt đối với pháp trong, ngoài.”

3) Kiết không giận dữ, cũng là giới nhiều ích hữu tình.

4) Không chê bai Đại thừa nói pháp giống nhau, là Giới nhiếp thiện pháp.

Trong bốn tha thắng này, 1) Tham, 2) Keo kiệt, 3) Sân, 4) Si, mạn, như thứ lớp làm thế.

Thứ hai, trong tùy nghĩa phân biệt có năm:

1) Nói về lý do người khác vượt hơn, không có hai kham năng, nên bị ma vượt hơn.

2) Nói về Khởi triền phẩm hạ, trung, phạm giới không xả, triền phẩm thượng liền xả.

Nói “Chẳng phải các Bồ-tát tạm một hiện hạnh, cho đến liền xả bỏ giới Biệt giải thoát. Luận sư Cảnh nói “Như thuyết của Kinh Bộ, Thượng tọa Bộ, Chánh lượng Bộ v.v... trong Tiểu thừa đều nói rằng, trong ba phẩm triền, hễ Khởi bất cứ triền nào, phạm trọng tội đầu tiên liền xả Luật nghi. Chỉ có Thập Tụng, Tát-bà-đa Khởi ba phẩm triền, phạm tha thắng xứ, đều không xả giới.” Nay, Tông Chỉ của Đại thừa không đồng với hai phái kia: Nếu khởi triền phẩm thượng mới Xả tịnh giới, phạm thì không xả giới, cho nên chẳng phải các Bồ tát tạm một

hiện hạnh pháp tha thắng Xứ, tức Xả luật nghi. Như Tiểu thừa nói các “Bí-sô v.v... phạm pháp tha thắng, tức Xả giới Biệt giải thoát. Như Kinh Thập Luận chép: “Tỳ-kheo phạm trọng mà không Xả giới, vì để cho người tục sanh kính tín đối với tăng, nên nói là phạm trọng không Xả. Đây là y cứ ở Khởi triền phẩm trung phạm. Dưới đây Quyết Trạch nói trong năm duyên Xả giới rằng “Hoặc do Xả đối tượng Học Xứ, là Tác ý Xả giới, hoặc do phạm tội căn bản, nên Xả giới, nghĩa là vì y cứ ở triền phẩm thượng phạm. Kinh Niết-bàn nói “Các đệ tử của ta, hoặc nói vì phạm tội trọng nên Xả giới, hoặc nói không Xả đều không hiểu ý ta.”

Nay, xem tông Đại thừa qua thể văn luận này nói “Giới Thanh Văn hễ trái phạm tội trọng liền Xả. Giới Bồ-tát do thường khởi triền phạm mà về sau mới Xả, ý đại khái đồng nhau.”

Luận sư Cảnh lại nói “Như thuyết của Tiểu thừa nói, nay không dùng lời này.”

3) Nói về thọ lại

4) Nói về hai duyên xả giới Bồ-tát. Vì Quyết Trạch dưới đây, nên bốn duyên xả giới, khai, hợp đồng, đến luận kia sẽ giải thích.

Luận sư Cảnh nói “Quyển năm mươi ba dưới đây sẽ nói về năm duyên đối với giới Bí-sô. Trong đây, vì sao Bồ-tát không có gốc lành đoạn, xả? Một là hình mất, hai hình sinh Xả?”

Giải thích “Giới Bồ-tát từ phương tiện khéo phát. Lúc dứt tiền phương tiện khéo, đã mất đi phương tiện khéo, liền mất giới Bồ-tát. Vì không có lúc chính đoạn thiện mới xả, nên không có đoạn thiện xả. Bản tánh của Bồ-tát thuần thiện, vì nghiệp ác nhẹ, nên không có hai hình sinh. Xả phạm trọng xả, nghĩa là sẽ khởi triền phẩm thượng, phạm tha thắng xứ. Xả sở học xứ, tức sẽ lui sụt nguyện Bồ-đề giới Bồ-tát, mạng chung Xả, vì trải qua sự sinh không mất.

5) Nói về tịnh giới, trải qua sự sinh không mất, dù rằng thọ lại nhưng không gọi là mới được.

